TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 29, 17 – 21/07/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Đà tăng tiếp diễn, hướng đến 1200"

Tiêu điểm vĩ mô và chứng khoán thế giới:

- Đồng USD ngừng lao dốc trong lúc chờ họp từ ngân hàng trung ương về thông tin tăng lãi suất trong cuộc họp 25-26/07 sắp tới.
- Tính trên cơ sở so sánh năm trước, GDP của Trung Quốc tăng 6.3% trong quý 2, tăng tốc từ 4.5% trong ba tháng đầu năm, nhưng tỷ lệ này vẫn thấp hơn dự báo tăng trưởng 7.3%. Vì thế, chỉ số chứng khoán Shanghai cũng có tuần giao dịch giảm điểm 2%.
- Chứng khoán thế giới: Chỉ số Dow tăng mạnh trong tuần rồi khi tâm lý nhà lý nhà đầu tư hưng phấn với những kì vọng chặng đường thắt chặt chính sách tiền tệ sắp kết thúc.

Đánh giá: Chứng khoán Mỹ tích cực trước sau thông tin lạm phát hạ nhiệt và kì vọng vào KQKD công bố tốt vào Q2 vừa rồi. Chỉ số tâm lý người tiêu dùng của ĐH Michigan cho thấy sự hứng khởi của người tiêu dùng. Kì vọng sự phục hồi phía cầu từ thị trường Mỹ đang bắt đầu diễn ra.

Tiêu điểm vĩ mô và chứng khoán trong nước:

- Thông tư 06 bổ sung 4 nhu cầu vốn TCTD không được cho vay. Mục tiêu để nắn dòng vốn chảy vào sản xuất và hoạt động kinh doanh, nhằm tăng hiệu quả hoạt động cho vay và điều hành chính sách tiền tệ của NHNN.
- Khai trương hệ thống giao dịch trái phiếu riêng lẻ vào ngày 19/07/2023
- Chứng khoán Việt Nam: Trong tuần qua, VNINDEX tiếp tục duy trì tuần tăng liên tiếp thứ ba, đóng cửa tại 1185.9 (+1.5%); trong tuần, index điều chỉnh đi ngang ba phiên và sau đó nhanh chóng lấy lại đà tăng mạnh vào phiên thứ sáu.

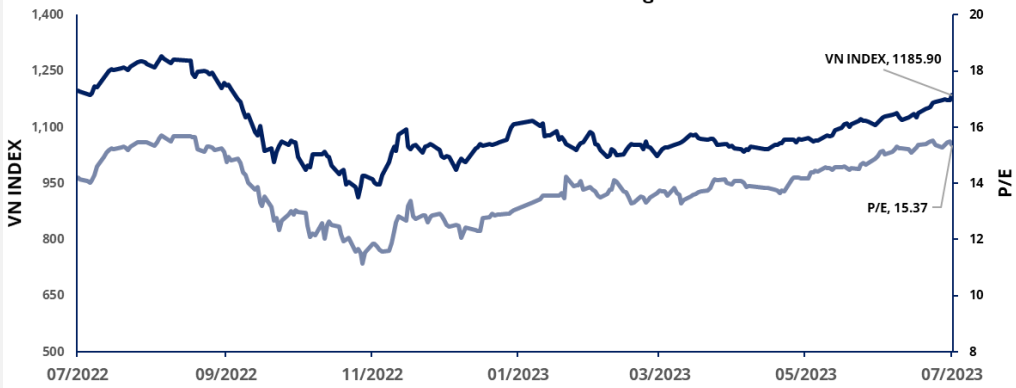
Đánh giá: Với sự phục hồi từ thị trường Mỹ, kì vọng nhóm ngành xuất khẩu qua Mỹ sẽ được cải thiện trong thời gian tới như: Thủy sản, Dệt may, Vật liệu nội thất,…

Khuyến nghị: Ưu tiên nắm giữ đối với những cổ phiếu đang giữ xu hướng tốt, hạn chế mua mới với những cổ phiếu đã cách xa đường MA 10 và MA 20. Tâm lý hưng phấn và tham lam của thị trường đang diễn ra.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,186	1.5	6.0	13.7	17.8		16.0	1.8	198
Upcom Index	88	2.2	3.2	13.0	23.0		12.6	1.3	45
HNX Index	235	2.1	1.4	13.6	14.5		30.0	1.3	12
VN30 Index	1,187	2.2	6.7	13.4	18.0		13.1	1.7	141
S&P 500 Index	4,535	0.7	3.9	9.7	18.1		21.8	4.4	39,536
STOXX Europe 600 Index	464	0.7	1.5	-1.1	9.2		13.6	1.7	14,007
Hang Seng	19,070	-1.8	-0.8	-5.0	-3.6		9.7	1.0	2,777
Nikkei 225	32,304	-0.3	-3.8	13.1	23.8		31.6	2.0	4,058
SHCOMP Index	3,168	-2.2	-0.9	-4.0	2.5		14.2	1.3	6,528
STI Index	3,277	0.8	1.6	-1.4	0.8		12.2	1.1	384
KOSPI Index	2,610	-0.7	1.1	2.6	16.7		15.3	1.0	1,553

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Hoàng Nam
(84-28)90 2778927
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất

Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	1.5	6.2	16.7	2.3	9.4	31.0	70.1	-0.8	13.3	1.9	4,096,331
Mid Cap	1.5	5.7	27.7	5.6	12.0	27.5	27.8	0.6	21.1	1.2	562,260
Small Cap	0.9	2.7	19.6	14.3	20.5	12.5	2.1	0.2	43.0	0.7	67,791

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Bán lẻ	5.5	21.5	25.2	-3.0	26.8	76.0	3.4	-0.2	6.9	1.2	104,236
Công nghệ Thông tin	3.1	8.4	21.9	13.4	27.5	51.2	0.9	0.1	18.8	1.1	117,480
Bất động sản	2.9	4.5	13.0	29.6	32.2	42.8	23.7	4.8	14.6	1.0	849,668
Tài nguyên cơ bản	2.8	13.4	53.0	-11.1	-11.8	7.8	7.3	-1.2	n.a	1.1	214,323
Bảo hiểm	2.1	5.8	4.7	-15.2	-15.8	22.6	0.4	-0.1	18.6	1.1	47,601
Dược và Y tế	1.6	5.2	30.2	112.1	129.5	85.4	0.3	0.2	15.2	1.1	39,685
Hóa chất	1.6	11.9	32.7	-14.7	-9.4	19.9	4.4	-0.9	10.2	1.1	173,738
Tài chính	1.4	6.2	63.6	-6.5	-3.6	6.2	12.4	-1.3	43.2	1.1	153,607
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	1.2	7.0	23.9	-11.2	-10.8	18.2	4.8	-0.8	13.0	1.1	128,305
Truyền thông	1.2	-6.9	41.8	43.8	3.7	-26.3	0.0	0.0	18.0	0.9	1,249
Ngân hàng	1.1	5.0	21.8	14.5	32.1	52.5	21.4	2.1	9.3	1.0	1,739,222
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.8	6.6	2.7	-11.4	8.7	44.7	1.4	-0.2	12.2	1.1	53,248
Thực phẩm và đồ uống	0.6	7.0	-3.0	-13.6	-8.5	21.1	7.9	-1.5	25.3	1.1	479,975
Xây dựng và vật liệu	0.6	4.5	40.0	-3.4	3.2	17.6	7.6	-0.5	31.6	1.0	122,388
Tiện ích	0.5	3.9	7.9	-1.9	16.0	18.7	1.8	-0.1	6.9	1.0	328,634
Ô tô & Phụ tùng	0.0	-2.3	2.5	-28.1	-18.7	-11.6	0.3	-0.1	11.7	1.0	13,713
Du lịch và Giải trí	-0.4	1.8	-8.0	12.3	17.2	49.4	1.1	0.1	n.a	1.0	93,499
Dầu khí	-0.8	6.4	30.3	-4.6	-8.5	12.0	1.1	-0.1	35.8	1.1	65,412

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,937**	**16.1**	**20.4**	**-71.0**	**257.5**
Nước ngoài	**2,769**	**16.1**	**31.7**	**-39.6**	**269.1**
VanEck Vectors Vietnam ETF	585	5.6	13.1	-4.7	86.0
Fubon FTSE Vietnam ETF	897	-0.6	-4.0	-2.1	66.9
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	661	5.5	-35.0	-101.0	37.6
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	382	0.0	3.8	10.2	66.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	211	5.7	53.9	58.0	10.2
Premia MSCI Vietnam ETF	17	0.0	0.0	0.0	0.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	7	0.0	0.0	0.0	1.3
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,168**	**0.0**	**-11.3**	**-31.4**	**-11.6**
DCVFMVN Diamond ETF	596	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	357	0.0	-10.1	-30.5	-11.3
SSIAM VNFIN LEAD ETF	175	0.0	-1.5	-1.2	-0.2
MAFN VN30 ETF	26	0.0	0.0	-0.1	-0.4
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	0.0	-0.5
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	4	0.0	0.2	0.4	0.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-8,437	48,189	48,189
Ấn độ	637	3,325	3,325	14,491
Indonesia	140	261	261	1,351
Nhật Bản*	1,718	2,995	2,995	49,880
Maylaysia	26	97	97	-832
Philippines	2	137	137	137
Hàn Quốc	-90	1,191	1,191	9,135
Sri Lanka	1	3	3	5
Đài Loan	-260	-1,551	-1,551	9,696
Thái Lan	17	-226	-226	-3,333
Việt Nam	46	-66	-66	-98

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

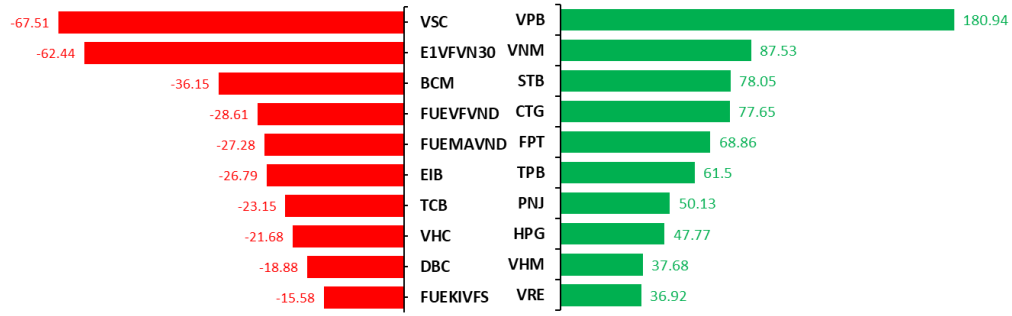
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

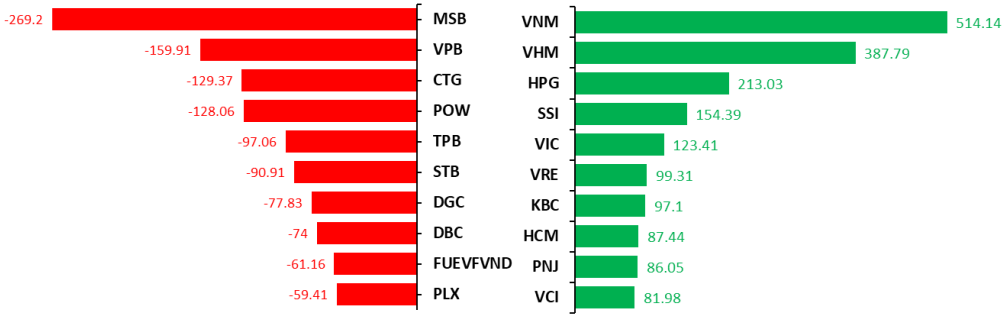
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	72	820	-988	168
Tài nguyên Cơ bản	51	225	-376	151
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-77	-16	418	-403
Y tế	0	27	-15	-12
Hóa chất	-4	-17	-104	121
Dịch vụ tài chính	-92	355	-326	-28
Du lịch và Giải trí	18	31	-54	23
Ngân hàng	461	-632	-173	806
Xây dựng và Vật liệu	-28	21	-46	24
Thực phẩm và đồ uống	90	253	-164	-89
Bán lẻ	23	-10	63	-53
Điện, nước & xăng dầu khí đ	19	-28	29	-2
Hàng cá nhân & Gia dụng	50	67	-119	52
Công nghệ Thông tin	69	2	-83	81
Ô tô và phụ tùng	2	1	-1	0
Bảo hiểm	4	40	-55	15
Dầu khí	3	-64	93	-29
Tổng	662	1,075	-1,901	825

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX *

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	D2D	Bất động sản	17.25 - 42.90	30.4	-12.64%
2	HSL	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.99 - 7.26	5.5	-10.24%
3	SKG	Du lịch và Giải trí	11.65 - 21.90	19.1	-9.05%
4	SMB	Thực phẩm và đồ uống	36.10 - 46.00	36.5	-8.29%
5	RAL	Sản xuất nông nghiệp	61.80 - 118.00	106.0	-7.10%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
20.48%	11.0	8.19 - 26.55	Hàng cá nhân & Gia dụng	GMC
16.49%	38.9	20.76 - 45.44	Bất động sản	HDC
15.51%	17.5	10.05 - 38.70	Bất động sản	HTN
14.77%	5.8	3.54 - 7.89	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	MHC
13.33%	17.5	17.04 - 47.08	Bất động sản	SZC

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SIC	Xây dựng và Vật liệu	#VALUE!	22.0	-23.34%
2	KMT	Tài nguyên Cơ bản	7.70 - 12.90	9.3	-16.96%
3	GKM	Xây dựng và Vật liệu	18.18 - 44.42	35.4	-16.71%
4	DTG	Y tế	31.50 - 39.20	33.8	-12.89%
5	CMC	Ô tô và phụ tùng	4.20 - 8.20	6.2	-10.14%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
50.45%	33.1	17.80 - 48.80	Xây dựng và Vật liệu	SDU
33.00%	13.3	3.60 - 13.30	Dịch vụ tài chính	IVS
21.57%	12.4	5.50 - 12.60	Bất động sản	NDN
20.59%	28.7	8.00 - 28.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VMS
20.35%	13.6	10.30 - 18.80	Xây dựng và Vật liệu	QTC

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	DNT	Du lịch và Giải trí	26.00 - 149.50	27.6	-38.39%
2	HLR	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.00 - 18.90	13.7	-27.51%
3	MTS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.70 - 13.40	9.3	-25.00%
4	GTD	Hàng cá nhân & Gia dụng	6.40 - 18.60	11.2	-22.76%
5	EPC	Thực phẩm và đồ uống	6.70 - 54.90	6.7	-21.18%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
48.65%	11.0	4.00 - 11.10	Xây dựng và Vật liệu	MVC
35.42%	13.0	5.90 - 14.70	Thực phẩm và đồ uống	SKN
32.50%	31.8	12.10 - 36.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	DNL
31.85%	242.6	75.20 - 320.00	Thực phẩm và đồ uống	IDP
31.58%	10.0	6.00 - 15.80	Y tế	UPH

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	SJS	SUDICO	Bất động sản	8,233.0	540.5	45.4	37.60 - 74.00	4.8
2	IMP	IMEXPHARM	Y tế	4,445.7	314.3	70.4	43.50 - 74.00	10.0
3	LBM	Khoáng sản Lâm Đồng	Xây dựng và Vật liệu	2,405.7	252.0	51.4	37.50 - 52.50	7.4
4	TRA	Traphaco	Y tế	1,048.3	240.3	91.0	84.70 - 100.10	1.7
5	CKG	Xây dựng Kiên Giang	Bất động sản	12,531.3	218.0	26.0	15.91 - 29.10	13.0
6	DVP	ĐT và PT Cảng Đình Vũ	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3,032.3	215.4	60.0	40.00 - 62.50	8.9
7	SBA	Sông Ba JSC	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	870.5	214.8	23.3	19.10 - 27.50	0.9
8	RAL	Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	Hàng cá nhân & Gia dụng	9,972.9	203.3	106.0	61.80 - 118.00	-7.1
9	PVP	Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8,047.9	157.6	15.6	10.45 - 16.25	9.1
10	PPC	Nhiệt điện Phả Lại	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8,345.9	156.0	16.0	10.50 - 18.50	0.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

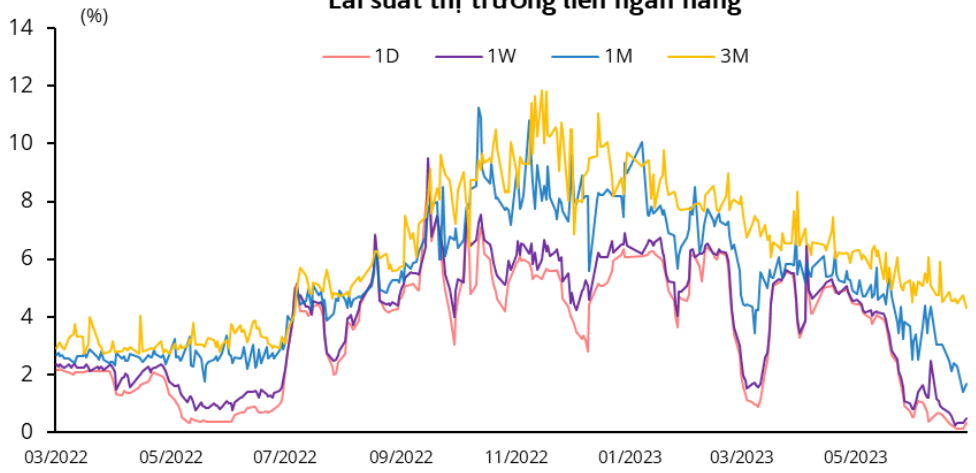
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	100.99	1.08	-1.06	-0.82	-2.45	
VND/USD	23,657	0.05	0.57	0.69	0.10	
KRW/USD	1,283.40	1.37	-0.66	-3.35	1.41	
JPY/USD	141.44	1.90	-0.31	5.43	7.87	
EUR/USD	0.90	0.90	-1.26	-1.27	-3.79	
SGD/USD	1.33	0.53	-0.89	-0.43	-0.82	
CNY/USD	7.18	0.49	-0.04	4.14	4.03	

Hàng hóa

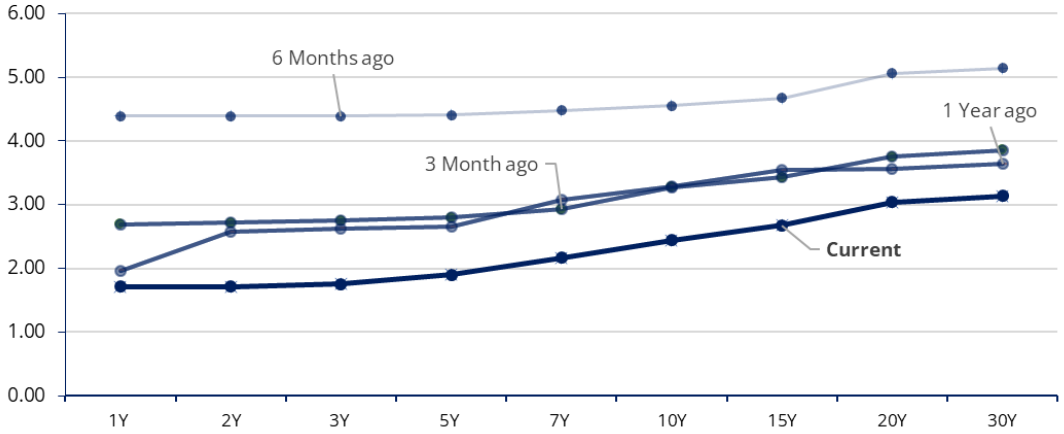
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	76.46	1.38	5.42	-1.81	-4.73	
Xăng	276.13	4.45	5.23	6.14	12.27	
Gas	2.77	8.98	6.55	23.91	-38.17	
Than	132.00	3.13	4.31	-31.16	-67.34	
Vàng	1,964.07	0.45	1.63	-0.96	7.68	
Bạc	24.75	-0.81	9.32	-1.35	3.31	
Platinum	961.05	-1.56	1.58	-14.74	-10.54	
Quặng sắt	112.43	1.33	-0.57	-5.77	1.03	
Thép cán	3,896.00	0.75	0.28	-7.28	-6.05	
Lúa mì	721.25	12.43	-1.80	8.99	-8.93	
Ngô	528.50	-11.88	-21.24	-20.32	-22.11	
Gỗ	#N/A N/A	#VALUE!	#VALUE!	#VALUE!	#VALUE!	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.